

Số: 929/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
giai đoạn 2026 - 2035**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "02 con số";

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "02 con số";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Công nghiệp hỗ trợ là nền tảng phát triển công nghiệp quốc gia bền vững, tự chủ và hiện đại. Phát triển công nghiệp hỗ trợ để hình thành năng lực sản xuất trong nước, nâng cao khả năng tự chủ về công nghiệp, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng, thiết bị đầu vào, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số”.

2. Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải gắn với nâng cao năng lực doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, lấy yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và tỷ lệ nội địa hóa của doanh nghiệp dẫn dắt làm định hướng cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

3. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đóng vai trò trung tâm, là lực lượng nòng cốt trong sản xuất, đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo phát triển, xây dựng thể chế minh bạch, hỗ trợ phát triển nguồn lực, khoa học công nghệ và thị trường.

4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải gắn liền với đổi mới công nghệ, chuyên đổi số, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ và phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, công nghệ cao, chuyên đổi số trong sản xuất; đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, năng lượng và phát triển bền vững theo định hướng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

5. Lấy thị trường trong nước làm điểm tựa, thị trường quốc tế là động lực. Triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn liền với việc phát triển thị trường nhằm tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng, thiết bị đầu vào cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nội địa, song song với mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hiệp định thương mại tự do.

6. Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm theo chuỗi cung ứng, cụm sản phẩm và bài toán công nghệ quy mô lớn; lấy kết quả đầu ra, tỷ lệ nội địa hóa, giá trị gia tăng tạo ra trong nước và khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu làm thước đo chủ yếu.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ ngày càng phát triển; từng bước làm chủ công nghệ sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng, thiết bị đầu vào quan trọng; phát triển mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; hình thành và phát triển sản phẩm tham gia chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030, một số ngành công nghiệp chủ lực đạt tỷ lệ nội địa hóa bình quân 40 - 45%, chỉ số năng lực cạnh tranh công nghiệp thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN.

c) Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo bước phát triển có tính đột phá về chiều sâu và chất lượng, lấy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm yếu tố quyết định tăng sức cạnh tranh cho ngành công nghiệp, trọng tâm là ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp trọng điểm, công nghiệp quốc phòng an ninh, công nghiệp xanh.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo chuỗi cung ứng, thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, quản trị, chất lượng và phát triển sản phẩm nhằm hình thành hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hạt nhân, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa trở thành nhà cung ứng cấp 1, cấp 2 của các doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

đ) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành điện tử thông minh, thiết bị năng lượng, đường sắt, ô tô, cơ khí và tự động hóa, công nghiệp công nghệ cao, dệt may, da giày gắn với kinh tế xanh.

e) Phát triển nguồn nhân lực, triển khai có hiệu quả hoạt động nghiên cứu, thiết kế, chuyển giao công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số, nâng cao năng lực các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “02 con số”.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030:

- Mục tiêu phát triển ngành:

Tập trung nguồn lực, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng; tăng cường kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế thuộc các ngành: điện tử thông minh, thiết bị năng lượng, đường sắt, cơ khí và tự động hoá, ô tô, công nghiệp công nghệ cao, dệt may, da giày. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh với năng lực sản xuất mới, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi, góp phần phát triển bền vững, tăng tính tự lực, tự cường cho nền kinh tế quốc gia, hướng tới mục tiêu tăng trưởng “02 con số”.

- Phân đầu đạt tỷ lệ nội địa hoá: Ngành điện tử đạt 25 - 30%; ngành cơ khí chế tạo đạt 40%; ngành ô tô 22 - 30%; ngành dệt may 60%; ngành da giày 60 - 65%; công nghiệp công nghệ cao đạt 15%.

- Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ:

+ Dự kiến hỗ trợ 600 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ tư vấn, đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế, trong đó dự kiến khoảng 400 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

+ Dự kiến hỗ trợ 80 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu và phát triển, trong đó 40 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công, có ứng dụng, đổi mới công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, gồm: 06 công nghệ xử lý cơ bản về chế biến vật liệu và 08 công nghệ lõi thế hệ thông minh và thân thiện với môi trường, kỹ thuật cao trong lĩnh vực dệt may - da giày.

+ Dự kiến hỗ trợ 800 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hoạt động liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục khác có đào tạo trình độ đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khác.

b) Đến năm 2035:

- Mục tiêu phát triển ngành:

+ Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế; chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo.

+ Phân đầu đạt tỷ lệ nội địa hóa: Ngành điện tử đạt 35 - 40%; ngành cơ khí chế tạo đạt 50%; ngành ô tô 32 - 40%; ngành dệt may 70%; ngành da giày 70 - 75%; công nghiệp công nghệ cao đạt 20%.

- Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ:

+ Dự kiến hỗ trợ tư vấn, đào tạo hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất phù hợp với yêu cầu quốc tế cho 900 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trong đó 600 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống đã được tư vấn, đào tạo.

+ Dự kiến hỗ trợ 120 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có khả năng nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, trong đó 60 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng thành công giải pháp công nghệ mới, triển khai hiệu quả sản xuất thử nghiệm và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

+ Dự kiến hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hoạt động liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục khác có đào tạo trình độ đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan khác cho 1.200 doanh nghiệp công nghiệp.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm nhiệm vụ về thể chế, pháp luật

a) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về khuyến khích, hỗ trợ và thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ đối với một số hoạt động như nghiên cứu phát triển, đầu tư sản xuất, chuyển giao công nghệ, đặc biệt công nghệ mới, công nghệ cốt lõi, công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có chất lượng. Tăng cường thu hút các doanh nghiệp trong nước và các tập đoàn đa quốc gia đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

b) Nghiên cứu, ban hành các chính sách đột phá để thúc đẩy gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, tiêu thụ sản phẩm trong nước sản xuất, tự chủ về công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm.

c) Nghiên cứu, ban hành các chính sách thu hút dự án đầu tư sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia có chọn lọc gắn với các cam kết phát triển chuỗi cung ứng nội địa đi kèm với cơ chế, chính sách ưu đãi tương ứng, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp nội địa thông qua các hình thức liên doanh - liên kết, mua bán sáp nhập nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ, mang lại giá trị gia tăng cao.

2. Nhóm nhiệm vụ về khoa học - công nghệ, nhân lực và đào tạo

a) Hỗ trợ các hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức, quy trình, hệ thống đánh giá, công nhận trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ phù hợp, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực;

b) Hỗ trợ tư vấn, nghiên cứu phát triển, mua bán, ứng dụng kỹ thuật, chuyển giao đổi mới và nâng cấp công nghệ trong hoạt động thử nghiệm, sản xuất vật liệu cơ bản, linh kiện, phụ tùng và nguyên vật liệu; hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất các nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường, nguyên liệu tái chế; tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong việc chuyển đổi xanh, xử lý nước thải, sử dụng hoá chất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng năng lượng tái tạo, sản xuất và kinh doanh bền vững, từng bước đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và nâng cao khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế;

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển giải pháp nhà máy thông minh vào quy trình sản xuất, hệ thống quản trị sản xuất và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý và sản xuất của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu; hỗ trợ đánh giá về công nghệ, quản trị, chất lượng và xây dựng lộ trình nâng cấp doanh nghiệp theo yêu cầu chuỗi cung ứng của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế;

d) Hỗ trợ tư vấn, đào tạo doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cải tiến quy trình sản xuất, quy trình quản lý đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;

đ) Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được thành lập theo đề án của Bộ Công Thương;

e) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế.

3. Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu

a) Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin và phân loại doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công đoạn, công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu nội địa hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế phục vụ hoạt động kết nối cung cầu và tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

b) Hỗ trợ xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng số về công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước; xây dựng, vận hành cổng thông tin điện tử công nghiệp hỗ trợ; cung cấp thông tin về công nghiệp chế biến chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá năng lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

4. Nhóm nhiệm vụ về phát triển thị trường và truyền thông

a) Hỗ trợ xác định doanh nghiệp dẫn dắt trong từng chuỗi cung ứng nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống nhà cung ứng trong nước; hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác, phát triển sản phẩm và nâng cấp công nghệ trong các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng, tạo liên kết và kết nối các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ với các đối tác, khách hàng, trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho các tập đoàn đa quốc gia và các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ khác ở trong và ngoài nước; xúc tiến, hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; tổ chức nghiên cứu, đánh giá, phân tích thị trường;

b) Hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nội địa; xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thông qua các hình thức như: tổ chức hoặc tham gia các triển lãm, hội chợ, hội nghị kết nối, xúc tiến thu hút đầu tư của quốc gia hoặc quốc tế;

c) Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước mở rộng hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác nước ngoài để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm và thương hiệu hàng Việt Nam về

công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển chuỗi cung ứng trong nước;

d) Phổ biến nâng cao nhận thức, cung cấp thông tin về các chính sách, thị trường, cung cầu, về các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các yêu cầu, quy định về sản xuất và kinh doanh bền vững, về năng lực sản xuất ngành công nghiệp hỗ trợ thông qua các hình thức như: tổ chức hội thảo, diễn đàn, hội nghị, xuất bản các bản tin, ấn phẩm và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng;

đ) Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, báo cáo sơ kết, tổng kết Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

IV. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Cơ quan quản lý Chương trình là Bộ Công Thương, các cơ quan có liên quan tại trung ương và địa phương.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện các đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì) là các tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án và giao nhiệm vụ thực hiện đề án thuộc Chương trình; được tiếp nhận kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Đơn vị thụ hưởng: Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách trung ương

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn kinh phí sự nghiệp do ngân sách nhà nước bố trí và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Kinh phí thực hiện Chương trình được quản lý, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn khác: Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ; nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước; các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn tổ chức thực hiện về phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Chương trình được duyệt;

b) Hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của Bộ Công Thương, gửi Bộ Tài chính để xem xét bố trí dự toán, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn, chất xám, công nghệ và nguồn lực phục vụ hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong hoạt động đánh giá, hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển liên kết chuỗi cung ứng;

d) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết 5 năm và tổng kết việc thực hiện Chương trình;

đ) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc ban hành, triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của các địa phương giai đoạn 2026 - 2035.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình;

c) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí theo Chương trình được duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng, phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 12 hằng năm;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc triển khai Chương trình để đảm bảo mục tiêu đề ra của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035;

c) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành;

d) Nghiên cứu hình thành các trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b)₆₅

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc